

Số: 41 /2020/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 15 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 2770/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;
Báo cáo thẩm tra số 467/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh
tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021-2025.

3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 26/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

4. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

a) Bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương.

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng Quy hoạch tỉnh Lai Châu; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và hằng năm của tỉnh; kế hoạch tài chính 5 năm; các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo mục tiêu hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương tỉnh Lai Châu, tính toán hợp lý giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thành phố, đảm bảo ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, tăng cường thu hút, huy động các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

đ) Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, không dàn trải, bảo đảm sử dụng vốn ngân sách địa phương có hiệu quả. Chỉ giao kế hoạch vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải

bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng được thời hạn nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo cấp quản lý nguồn vốn.

e) Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án quan trọng, dự án kết nối, có tác dụng liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước.

g) Phân bổ vốn bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thành phố, các địa phương có số thu ngân sách lớn. Ưu tiên phân bổ vốn cho vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

h) Thứ tự ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được thực hiện như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có).

- Phân bổ đủ vốn để trả các khoản vay đến hạn của địa phương, hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả.

- Phân bổ đủ vốn cho các công trình quyết toán; các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, cam kết với Trung ương; vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyên tiếp còn thiếu vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

- Phân bổ vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

i) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương từ nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước

a) Dành 10% dự phòng chưa phân bổ để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Số vốn còn lại phân bổ theo tỷ lệ

- Ngân sách tỉnh quản lý: 70% số vốn để phân bổ cho các dự án đầu tư theo ngành, lĩnh vực do cấp tỉnh quản lý và thực hiện một số chương trình, dự án thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung cân đối ngân sách các huyện, thành phố: 30% số vốn để phân bổ cho các dự án đầu tư theo ngành, lĩnh vực do cấp huyện, thành phố quản lý và thực hiện một số chương trình, dự án thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện, thành phố.

c) Tiêu chí, điểm của từng tiêu chí phân bổ nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách các huyện, thành phố

- Tiêu chí dân số trung bình: Theo số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019.

Các huyện, thành phố có dân số trung bình	Điểm
Dưới 30.000 người được tính	10
Từ 30.000 đến dưới 60.000 người (<i>từ 0 đến 30.000 người được tính 10 điểm</i>), phần còn lại cứ 5.000 người tăng thêm được tính	2
Từ 60.000 đến 120.000 người (<i>từ 0 đến 60.000 người được tính 22 điểm</i>), phần còn lại cứ 5.000 người tăng thêm được tính	1

- Tiêu chí số người dân tộc thiểu số: Theo số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019.

Số người dân tộc thiểu số các huyện, thành phố	Điểm
Cứ 10.000 người dân tộc thiểu số được tính	2

- Tiêu chí trình độ phát triển

Tỷ lệ hộ nghèo: Theo quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 của UBND tỉnh.

Các huyện, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Đến 5% được tính	5
Trên 5% (<i>từ 0 đến 5% được tính 5 điểm</i>), phần còn lại cứ tăng thêm 1% được tính	0,5

Thu nội địa (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, xuất nhập khẩu*): Theo dự toán thu ngân sách năm 2020 được UBND tỉnh giao cho các huyện, thành phố.

Thu nội địa của các huyện, thành phố	Điểm
Dưới 50 tỷ đồng được tính	4
Từ 50 đến 100 tỷ đồng được tính	3
Trên 100 tỷ đồng được tính	2

- Tiêu chí diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên của các huyện, thành phố: Theo số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019.

Diện tích tự nhiên của các huyện, thành phố	Điểm
Đến 500km ² được tính	8
Trên 500km ² đến 1.250km ² (từ 0 đến 500km ² được tính 8 điểm), phần còn lại cứ 250km ² tăng thêm được tính	4
Trên 1.250km ² đến 2.500km ² (từ 0 đến 1.250km ² được tính 20 điểm), phần còn lại cứ 250km ² tăng thêm được tính	2
Trên 2.500km ² (từ 0 đến 2.500km ² được tính 30 điểm), phần còn lại cứ 250km ² tăng thêm được tính	0,5

Tỷ lệ che phủ rừng: Theo số liệu công bố của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2019.

Tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố	Điểm
Đến 30% được tính	1
Trên 30% đến 50% được tính	2
Trên 50% được tính	3

- Tiêu chí đơn vị hành chính (số xã đặc biệt khó khăn theo quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố	Điểm
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	1
Mỗi xã đặc biệt khó khăn được tính	0,5
Mỗi xã biên giới được tính	1

- Tiêu chí bổ sung

Tiêu chí bổ sung	Điểm
Trung tâm kinh tế - chính trị của tỉnh (Thành phố Lai Châu) được tính	40
Huyện dự kiến giai đoạn 2021-2025 đạt chuẩn nông thôn mới (các huyện Tam Đường, Than Uyên) được tính	10

Huyện duy trì đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (<i>Huyện Tân Uyên</i>) được tính	5
Thành phố duy trì đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (<i>Thành phố Lai Châu</i>) được tính	2

- Căn cứ các tiêu chí, định mức nêu trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố. Tổng số điểm của các huyện, thành phố là 748 điểm, cụ thể: Thành phố Lai Châu 83 điểm, huyện Tam Đường 86 điểm, huyện Phong Thổ 113 điểm, huyện Sìn Hồ 119 điểm, huyện Mường Tè 109 điểm, huyện Than Uyên 87 điểm, huyện Tân Uyên 76 điểm, huyện Nậm Nhùn 75 điểm.

d) Xác định mức vốn đầu tư cho mỗi huyện, thành phố

Vốn phân bổ cho mỗi huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$V_n = (Đ_n/Đ) \times VDT$$

Trong đó:

- V_n là vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương phân bổ cho mỗi huyện, thành phố, ứng với $Đ_n$

- $Đ_n$ là số điểm từng của huyện, thành phố.

- $Đ$ là tổng số điểm của các huyện, thành phố.

- VDT là tổng vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện, thành phố hàng năm.

6. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

Thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện quyết định bố trí để thực hiện các nhiệm vụ: Đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết

Bố trí tối thiểu 60% để đầu tư cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế; tối thiểu 10% để hỗ trợ đầu tư cho các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm; số vốn còn lại bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục thiên tai.

8. Đối với các nguồn vốn khác dành cho đầu tư phát sinh trong năm

Sau khi xác định được các nguồn vốn khác dành cho đầu tư phát sinh trong năm (*tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi, các nguồn thu khác để lại cho đầu tư*), Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ